

Số: 3 4 3 3 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 3214/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 3335/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định số 3336/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định số 3346/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công Thương: *(phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

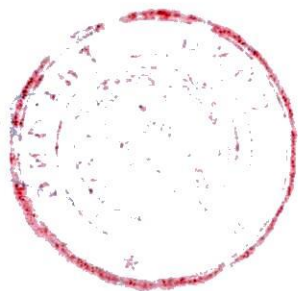
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC. *re*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

(kèm theo Quyết định số: 3 4 3 3 /QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023					
					Điều chỉnh tăng kinh phí tự chủ (+)			Điều chỉnh giảm kinh phí không tự chủ (-)		
					Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL	Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL
A	B	C	D	Đ		1			2	
	Tổng Cộng				18.295	18.205	90	18295,00	18.205	90
I	Điều chỉnh kinh phí chi thường xuyên chi lương và hoạt động bộ máy				16.451	16.361	90	16.451	16.361	90
1	Ủy ban Cảnh tranh quốc gia	0011	Hà Nội	1.131.518	500	500		500	500	
2	Cục Xúc tiến thương mại	0011	Hà Nội	1.113.499	2.209	2.209		2.209	2.209	
3	Cục Công thương địa phương	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.131.521	1.468	1.468		1.468	1.468	
4	Cục Phòng vệ thương mại	0011	Hà Nội	1.131.523	611	611		611	611	
5	Cục Hóa chất	0011	Hà Nội	1.113.503	336	336		336	336	
6	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.113.501	1.825	1.825		1.825	1.825	
7	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.113.500	550	550		550	550	
8	Cục Điều tiết điện lực	0022	Thanh Xuân - HN	1.113.502	467	467		467	467	
9	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	0011	Hà Nội	1.131.508	395	395		395	395	
10	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại	0013	Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.055.532	7.524	7.524		7.524	7.524	90
11	Nhà xuất bản Công thương	0013	Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.101.795	566	476	90	566	476	
II	Điều chỉnh kinh phí năm 2023 tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP				1.844	1.844		1.844	1.844	

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023					
					Điều chỉnh tăng kinh phí tự chủ			Điều chỉnh giảm kinh phí không tự chủ		
					Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL	Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL
	Ủy ban Cạnh tranh quốc gia	0011	Hà Nội	1.131.518	83	83		83	83	
	Cục Xúc tiến thương mại	0011	Hà Nội	1.113.499	368	368		368	368	
	Cục Công thương địa phương	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.131.521	162	162		162	162	
	Cục Phòng vệ thương mại	0011	Hà Nội	1.131.523	99	99		99	99	
	Cục Hóa chất	0011	Hà Nội	1.113.503	64	64		64	64	
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.113.501	271	271		271	271	
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	0013	Hoàn Kiếm - HN	1.113.500	226	226		226	226	
	Cục Điều tiết điện lực	0022	Thanh Xuân - HN	1.113.502	90	90		90	90	
	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	0011	Hà Nội	1.131.508	93	93		93	93	
	Nhà xuất bản công thương	0011	Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.101.795	121	121		121	121	
	Trung tâm Thông tin công nghiệp và Thương mại	0013	Hoàn Kiếm - Hà Nội	1.055.532	267	267		267	267	

Ghi chú:

Quyết định số 3336/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2023 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác giai đoạn 2023-2025;

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO
(kèm theo Quyết định số: 3 4 3 3 /QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ĐVT: triệu đồng						
TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN	
					Điều chỉnh tăng Kinh phí tự chủ (+)	Điều chỉnh tăng Kinh phí không tự chủ (-)
	TỔNG CỘNG				290.733	290.733
A	Điều chỉnh kinh phí chi thường xuyên chi lương và hoạt động bộ máy				256.377	256.377
I	Loại 070 khoản 081: Giáo dục Đại học				40.300	40.300
1	Trường Đại học CN Quảng Ninh	Đồng triều - Quảng Ninh	1054142	2815	10.900	10.900
2	Trường Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	1054186	0366	9.200	9.200
3	Trường Đại học CN Việt Hưng	Sơn Tây - Hà Nội	1054099	0033	9.200	9.200
4	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1054017	1266	11.000	11.000
II	Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng				216.077	216.077
1	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Thái Nguyên	1054146	2261	19.400	19.400
2	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung	Phú Yên	1054211	2161	10.800	10.800
3	Trường Cao đẳng CN Nam Định	Tỉnh Nam Định	1054188	0261	11.000	11.000
4	Trường Cao đẳng CN Huế	Thừa Thiên Huế	1054182	1611	8.000	8.000
5	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	Sông Công - Thái Nguyên	1054147	2269	11.477	11.477

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN	
					Điều chỉnh tăng Kinh phí tự chủ (+)	Điều chỉnh tăng Kinh phí không tự chủ (-)
6	Trường Cao đẳng Công nghệ và K tế CN	Phổ Yên - Thái Nguyên	1054098	2263	11.500	11.500
7	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018	8.900	8.900
8	Trường Cao đẳng CN & Xây dựng	Uông Bí - Quảng Ninh	1054185	2812	20.400	20.400
9	Trường Cao đẳng CN và TM (Phúc Yên)	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1054183	1219	10.100	10.100
10	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	Thái Nguyên	1054184	2261	11.200	11.200
11	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V. Tri)	Phú Thọ	1054144	1261	10.000	10.000
12	Trường Cao đẳng CN Hưng Yên	Mỹ Hào - Hưng Yên	1054143	0412	12.000	12.000
13	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Bắc Giang	1054097	1161	11.300	11.300
14	Trường Cao đẳng TM (Đà Nẵng)	Q. Thanh Khê - Đà Nẵng	1055486	0163	6.200	6.200
15	Trường Cao đẳng TM và DL	Thái Nguyên	1055487	2261	7.000	7.000
16	Trường Cao đẳng kinh tế KT T.mại	Hà Đông - Hà Nội	1055485	0026	10.700	10.700
17	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Cẩm Giàng - Hải Dương	1055491	0365	14.600	14.600
18	Trường Cao đẳng KTKT Công Thương	Thanh Hóa	1055564	1361	7.100	7.100
19	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	1055490	0025	9.100	9.100
20	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	Phù ninh - Phú Thọ	1058722	1266	5.300	5.300
B	Điều chỉnh kinh phí năm 2023, tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP				34.356	34.356
I	Loại 070 khoản 081: Giáo dục Đại học				10.890	10.890

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN	
					Điều chỉnh tăng Kinh phí tự chủ (+)	Điều chỉnh tăng Kinh phí không tự chủ (-)
1	Trường Đại học CN Quảng Ninh	Đồng triều - Quảng Ninh	1054142	2815	2.610	2.610
2	Trường Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	1054186	0366	2.664	2.664
3	Trường Đại học CN Việt Hưng	Sơn Tây - Hà Nội	1054099	0033	3.054	3.054
4	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1054017	1266	2.562	2.562
II	Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng				23.466	23.466
1	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Thái Nguyên	1054146	2261	2.460	2.460
2	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung	Phú Yên	1054211	2161	1.848	1.848
3	Trường Cao đẳng CN Nam Định	Tỉnh Nam Định	1054188	0261	1.644	1.644
4	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	Sông Công - Thái Nguyên	1054147	2269	1.112	1.112
5	Trường Cao đẳng Công nghệ và K tế CN	Phổ Yên - Thái Nguyên	1054098	2263	1.619	1.619
6	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018	259	259
7	Trường Cao đẳng CN & Xây dựng	Uông Bí - Quảng Ninh	1054185	2812	2.011	2.011
8	Trường Cao đẳng CN và TM (Phúc Yên)	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1054183	1219	1.674	1.674
9	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	Thái Nguyên	1054184	2261	1.548	1.548
10	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V.Trí)	Phú Thọ	1054144	1261	1.764	1.764
11	Trường Cao đẳng CN Hưng Yên	Mỹ Hào - Hưng Yên	1054143	0412	1.698	1.698

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN	
					Điều chỉnh tăng Kinh phí tự chủ (+)	Điều chỉnh tăng Kinh phí không tự chủ (-)
12	Trường Cao đẳng TM (Đà Nẵng)	Q. Thanh Khê - Đà Nẵng	1055486	0163	1.548	1.548
13	Trường Cao đẳng TM và DL	Thái Nguyên	1055487	2261	904	904
14	Trường Cao đẳng kinh tế KT T.mại	Hà Đông - Hà Nội	1055485	0026	1.659	1.659
15	Trường Cao đẳng KTKT Công Thương	Thanh Hóa	1055564	1361	834	834
16	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	1055490	0025	200	200
17	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	Phù ninh - Phú Thọ	1058722	1266	684	684

e

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 3433/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số đơn vị SDNS	Mã số KBNN	Điều chỉnh tăng kinh phí tự chủ (+)				Điều chỉnh giảm kinh phí không tự chủ (-)			
					Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL		Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL	
					1	2	3	4	5	6	7	8
A	B	C	D	E	38.988	38.871	117	38.988	38.871	117		
	Tổng cộng (I+II)				35.665	35.548	117	35.665	35.548	117		
I	Điều chỉnh dự toán năm 2023 kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho các tổ chức khoa học và công nghệ (Loại 100 - Khoản 101)											
1	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	1054054	0011	20.556	20.489	67	20.556	20.489	67		
2	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học Tự động hóa	Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội	1054056	0013	2.305	2.297	8	2.305	2.297	8		
3	Viện Khoa học và Công nghệ Mô - Luyện kim	Q. Đống Đa - Hà Nội	1054057	0015	3.748	3.735	13	3.748	3.735	13		
4	Viện Công nghiệp Thực phẩm	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1054055	0022	3.288	3.277	11	3.288	3.277	11		
5	Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có Dầu	Quận I - TP HCM	1054061	0133	1.660	1.655	5	1.660	1.655	5		
6	Viện Nghiên cứu Da Giầy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	1054096	0021	1.042	1.039	3	1.042	1.039	3		
7	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1119617	0022	2.024	2.017	7	2.024	2.017	7		

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số đơn vị SDNS	Mã số KBNN	Kinh phí ngân sách nhà nước				Điều chỉnh giảm kinh phí không tự chủ (-)			
					Điều chỉnh tăng kinh phí tự chủ (+)				Điều chỉnh giảm kinh phí không tự chủ (-)			
					Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL	Tổng số	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6		
8	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh công nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1054060	0022	1.042	1.039	3	1.042	1.039	3		
II	Điều chỉnh dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP				3.323	3.323	-	3.323	3.323	-		
1	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Thành phố - Hà Nội	1054054	0011	1.136	1.136	-	1.136	1.136	-		
2	Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học Tự động hóa	Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội	1054056	0013	224	224	-	224	224	-		
3	Viện Công nghiệp Thực phẩm	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1054055	0022	913	913	-	913	913	-		
4	Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có Dầu	Quận I - TP HCM	1054061	0133	250	250	-	250	250	-		
5	Viện Nghiên cứu Da Giấy	Quận Tây Hồ - Hà Nội	1054096	0021	96	96	-	96	96	-		
6	Viện Nghiên cứu Thiết kế chế tạo máy nông nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1119617	0022	425	425	-	425	425	-		
7	Viện Nghiên cứu Sành sứ Thủy tinh công nghiệp	Q. Thanh Xuân - Hà Nội	1054060	0022	279	279	-	279	279	-		

Ghi chú: Điều chỉnh dự toán kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên theo chức năng, tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương theo Quyết định số 3346/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2023 - 2025, thời kỳ ổn định tự chủ tài chính lần đầu được áp dụng đến năm 2025 và điều chỉnh dự toán lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP tại Quyết định số 3214/QĐ-BCT ngày 14/12/2023 của Bộ Công Thương về việc giao bổ sung dự toán thu, chi NSNN năm 2023./. 

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 KINH PHÍ SỰ NGHIỆP Y TẾ
(kèm theo Quyết định số: **3 4 3 3** /QĐ-BCT ngày **29** tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN	
					Điều chỉnh tăng KP tự chủ (+)	Điều chỉnh giảm KP tự chủ (-)
	TỔNG CỘNG					
A	Điều chỉnh kinh phí chi thường xuyên chi lương và hoạt động bộ máy				<u>7.300</u>	<u>7.300</u>
I	Loại 130 khoản 132				<u>7.300</u>	<u>7.300</u>
1	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công Thương	Quận Ba Đình - Hà Nội	1054094	0012	7.300	7.300
B	Điều chỉnh kinh phí dự toán năm 2023 điều chỉnh tiền lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP				<u>1.398</u>	<u>1.398</u>
I	Loại 130 khoản 132				<u>1.398</u>	<u>1.398</u>
1	Trung tâm Y tế Môi trường lao động Công Thương	Quận Ba Đình - Hà Nội	1054094	0012	1.398	1.398
	TỔNG CỘNG				8.698	8.698

Ghi chú: Điều chỉnh dự toán NSNN năm 2023 hỗ trợ hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ theo quy định tại Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023. 

